

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ  
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 443 /NMĐSH1-TM-TCHC  
V/v cung cấp báo giá gói thầu SH2026-072  
“Bảo hiểm xe cơ giới và xe phục vụ công việc  
hành chính của NMĐ Sông Hậu 1” (lần 2)

Cần Thơ, ngày 06 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 có nhu cầu triển khai mua sắm gói thầu SH2026-072 “Bảo hiểm xe cơ giới và xe phục vụ công việc hành chính của NMĐ Sông Hậu 1”, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 kính đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: như các Phụ lục đính kèm.
2. Tiến độ cung cấp: theo văn bản thông báo của Bên mua.
3. Địa điểm thực hiện: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 60 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 11 h00 ngày 11/3/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: yêu cầu các đơn vị gửi báo giá (file scan, có ký tên đóng dấu đỏ của Công ty) qua email theo địa chỉ dưới đây.
7. Thông tin liên hệ:

*Người nhận: Hàng Thị Liên, Phòng Thương Mại - NMĐ Sông Hậu 1*

*Địa chỉ: ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ*

*Email: [giangtth@pvpqb.vn](mailto:giangtth@pvpqb.vn); [phongnd@pvpqb.vn](mailto:phongnd@pvpqb.vn); [longpx@pvpqb.vn](mailto:longpx@pvpqb.vn);  
[lienht@pvpqb.vn](mailto:lienht@pvpqb.vn); [nhanbaogia.hn@pvpqb.vn](mailto:nhanbaogia.hn@pvpqb.vn).*

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- GD NMĐSH1 (để b/c);
- Lưu: VT, PTM (H. T. L.).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK  
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lương Khánh Duy**

## Phụ lục: Phạm vi công việc

(Đính kèm Công văn số 443 /NMĐSH1-TM-TCHC ngày 06/3 /2026)

### I. Yêu cầu về bảo hiểm

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 đang có nhu cầu mua bảo hiểm xe cơ giới và xe phục vụ công việc hành chính với nội dung như sau:

#### 1. Bảo hiểm TNDS bắt buộc, Bảo hiểm tai nạn lái xe và người ngồi trên xe, Bảo hiểm vật chất xe

##### a. Phạm vi bảo hiểm

- Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô (mức bảo hiểm thiệt hại về con người: 150 triệu đồng/người/vụ, mức bảo hiểm thiệt hại về tài sản: 100 triệu đồng/vụ) theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ.

- Bảo hiểm lái, phụ xe và người ngồi trên xe.

- Bảo hiểm thiệt hại vật chất xe.

##### b. Nội dung bảo hiểm

| TT | YÊU CẦU BẢO HIỂM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô (mức bảo hiểm thiệt hại về con người: 150 triệu đồng/người/vụ, mức bảo hiểm thiệt hại về tài sản: 100 triệu đồng/vụ) theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 2  | Bảo hiểm tai nạn lái xe và người ngồi trên xe:<br>Bảo hiểm cho những thiệt hại về thân thể đối với người được bảo hiểm do tai nạn khi đang ở trên xe lên xuống xe trong quá trình xe ô tô đang tham gia giao thông.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 3  | Bảo hiểm thiệt hại vật chất:<br>Bảo hiểm bồi thường cho chủ xe ô tô những thiệt hại vật do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau:<br>- Đâm, va (bao gồm cả va chạm với vật thể khác), lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe ô tô, bị các vật thể khác rơi vào, hành động ác ý không phải của Chủ xe.<br>- Hỏa hoạn, cháy, nổ.<br>- Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên gây ra.<br>- Mất toàn bộ xe ô tô do trộm, cướp.<br>Ngoài ra, đơn vị bảo hiểm phải thanh toán những chi phí cần thiết, hợp lý phát sinh trong tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm, bao gồm các chi phí:<br>- Chi phí nhằm ngăn ngừa, hạn chế tổn thất phát sinh thêm.<br>- Chi phí cứu hộ, vận chuyển xe ô tô bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất.<br>- Chi phí giám định. |
| 4  | - Mức miễn thường có khấu trừ: 500.000 đồng/vụ tổn thất/xe.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

| TT | YÊU CẦU BẢO HIỂM                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5  | Thời gian và địa điểm thực hiện trách nhiệm bảo hiểm: Đơn vị bảo hiểm có trách nhiệm cử cán bộ đến hiện trường hoặc hướng dẫn Chủ xe/Người được bảo hiểm/Đại diện hợp pháp của chủ xe thực hiện các công việc giải quyết ban đầu trong vòng 02 giờ để xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại khi nhận được thông báo về thiệt hại và tổn thất.                  |
| 6  | Thời hạn thanh toán bảo hiểm: Đơn vị bảo hiểm xem xét, giải quyết và thanh toán tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ và không kéo dài quá 30 ngày làm việc trong trường hợp phải tiến hành xác minh hồ sơ. Mức bồi thường thiệt hại theo kết quả của đơn vị giám định độc lập. |

(Chi tiết danh sách 14 xe ô tô như Bảng 01 đính kèm)

## 2. Bảo hiểm máy móc và thiết bị

### Phạm vi bảo hiểm:

Bồi thường những thiệt hại bất ngờ xảy ra và không lường trước được đối với máy móc thiết bị được bảo hiểm gây ra bởi bất kỳ nguyên nhân nào nhưng không bị loại trừ trong Quy tắt bảo hiểm máy móc và thiết bị của Bảo hiểm.

**Mức khấu trừ:** 10% tổn thất, tối thiểu 10.000.000 VNĐ/vụ tổn thất.

(Chi tiết danh sách 03 xe ô tô như Bảng 02 đính kèm)

**\* Lưu ý:** để đảm bảo cùng mặt bằng so sánh, đề nghị quý Công ty cung cấp báo giá với đầy đủ thông tin: giá chào trước thuế, thuế VAT tạm tính 10%, giá chào sau thuế. 

**Bảng 01 – Danh sách xe mua Bảo hiểm TNDS bắt buộc, Bảo hiểm tai nạn lái xe và người ngồi trên xe, Bảo hiểm vật chất xe**  
 (Đính kèm Công văn số 443 /NMĐSHI-TM-TCHC ngày 06/3/2026)

| STT                          | THÔNG TIN XE   |                                 |                  |              | HIỆU LỰC BH    |            | Giá trị tại thời điểm mua xe |
|------------------------------|----------------|---------------------------------|------------------|--------------|----------------|------------|------------------------------|
|                              | Biển kiểm soát | Số khung/ Số máy                | Hiệu xe          | Năm sản xuất | Số năm sử dụng | Ngày đầu   | Ngày cuối                    |
| <b>I. BỘ PHẬN HÀNH CHÍNH</b> |                |                                 |                  |              |                |            |                              |
| 1                            | 29B-427.99     | RM8K312BKK2000010/DL08S713619BC | SAMCO 47 CHỖ     | 14/11/2019   | 7              | 28/02/2025 | 28/02/2026                   |
| 2                            | 30L-035.21     | RL4YX59G4F9019362/2TR7970012    | TOYOTA 7 CHỖ     | 2015         | 11             | 26/03/2025 | 26/03/2026                   |
| 3                            | 29B-428.65     | 3672BV009108/ 198170123818      | MERCEDES 16 CHỖ  | 2012         | 14             | 22/05/2025 | 22/05/2026                   |
| 4                            | 29B-422.41     | RNHTCB29DBC076612/D4DDA454590   | THACO 29 CHỖ     | 14/06/2011   | 15             | 16/06/2025 | 16/06/2026                   |
| 5                            | 29B-423.01     | RM8K312BKK2000009/DL08S815637BC | SAMCO 47 CHỖ     | 07/01/2020   | 6              | 22/06/2025 | 22/06/2026                   |
| 6                            | 30L-025.00     | RL4YX59G-099002109/2TR-6785968  | TOYOTA 7 CHỖ     | 14/10/2009   | 17             | 11/10/2025 | 11/10/2026                   |
| 7                            | 30L - 193.11   | MMBGUKS10PH011359/4N15UKD7689   | MITSUBISHI 7 CHỖ | 31/07/2024   | 2              | 31/07/2025 | 31/07/2026                   |
| 8                            | 30L-882.73     | MMBGUKS10PH011191/4N15UKD5774   | MITSUBISHI 7 CHỖ | 10/12/2024   | 2              | 11/12/2025 | 11/12/2026                   |

| STT            | THÔNG TIN XE      |                                       |                     |                 |                   | HIỆU LỰC BH |            | Giá trị tại thời<br>điểm mua xe |
|----------------|-------------------|---------------------------------------|---------------------|-----------------|-------------------|-------------|------------|---------------------------------|
|                | Biển kiểm<br>soát | Số khung/ Số máy                      | Hiệu xe             | Năm sản<br>xuất | Số năm sử<br>dụng | Ngày đầu    | Ngày cuối  |                                 |
| II. XE CƠ GIỚI |                   |                                       |                     |                 |                   |             |            |                                 |
| 1              | 95C-039.37        | RNJFG8JJ7HXX10020 / J08E-WE10109      | HINO                | 2017            | 9                 | 05/03/2025  | 05/03/2026 | 5.355.350.000                   |
| 2              | 95C-037.25        | RNJFG8JJ7HXX10026 / J08E-WE10126      | HINO                | 2017            | 9                 | 05/03/2025  | 05/03/2026 | 5.355.350.000                   |
| 3              | 95A-076.83        | KMJWA37RAMU191173 / G4KGMD010765      | HYUNDAI STAREX      | 2021            | 5                 | 05/03/2025  | 05/03/2026 | 691.000.000                     |
| 4              | 29K-103.72        | RNHF99FACRT090612 / 4DW9395E4B0576951 | FORLAND THACO FD990 | 2024            | 2                 | 14/05/2025  | 14/05/2026 | 546.963.769                     |
| 5              | 29K-104.59        | RNHF99FACRT090608 / 4DW9395E4B0576950 | FORLAND THACO FD990 | 2024            | 2                 | 14/05/2025  | 14/05/2026 | 546.963.769                     |
| 6              | 95C-056.46        | RNHD10FAAKC007505/4DW9395E4B0321804   | FORLAND THACO FD500 | 30/03/2021      | 5                 | 11/08/2025  | 11/08/2026 | 479.000.000                     |

930



**Bảng 02: Danh sách xe mua bảo hiểm máy móc, thiết bị**

| STT | THÔNG TIN XE   |                                               |                 |              | HIỆU LỰC BH    |            | Giá trị tại thời điểm mua xe |
|-----|----------------|-----------------------------------------------|-----------------|--------------|----------------|------------|------------------------------|
|     | Biển kiểm soát | Số khung/ Số máy                              | Hiệu xe         | Năm sản xuất | Số năm sử dụng | Ngày đầu   | Ngày cuối                    |
| 1   | 29CD-027.01    | SEM00822TS8T01332/<br>WD12G240E2061124S000954 | SEM822D CH      | 01/07/2025   | 1              | 07/07/2025 | 07/07/2026                   |
| 2   | 29CD-027.38    | CAT00326CHFF30009/<br>E7A64295                | CATERPILLAR 326 | 01/07/2025   | 1              | 07/07/2025 | 07/07/2026                   |
| 3   | 29CD-027.79    | CAT00326HHFF30010/<br>E7A64298                | CATERPILLAR 326 | 24/04/2025   | 1              | 07/07/2025 | 07/07/2026                   |

llk

